



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 08-37732892, Fax: 08-37732893, Web : www.vienlien.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Thành lập:

Công ty cổ phần Viễn Liên được thành lập theo giấy phép số 223/GP-UB ngày 02/03/1993 do UBND thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn góp cổ phần chủ yếu là của CBCNV Bưu Điện thành phố Hồ Chí Minh và CBCNV các đơn vị trong ngành Bưu chính – Viễn thông.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 059051 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05/03/1993. Vốn Điều lệ đến ngày 31/03/2013 là 144.844.680.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Nhập khẩu, kinh doanh tổng đài điện thoại, máy Fax, điện thoại, Cordless;
- Tư vấn, thiết kế, xây lắp, cung cấp thiết bị, vật tư các công trình viễn thông – tin học;
- Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị viễn thông – tin học, mạng hàm cổng cáp, trạm BTS, mạng ngoại vi viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản.

3. Niêm yết:

Công ty được giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 47/UBCK-GPNY do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/05/2006. Do không đủ vốn điều lệ theo quy định, đến ngày 27/05/2009 chuyển niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số 12/GCN-TTGDHN ngày 21/05/2009.

- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán : UNI
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết: 14.484.468 cổ phiếu
- Tổng giá trị niêm yết: 144.844.680.000 đồng
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên : 03/07/2006

4. Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2017 :

- Vốn điều lệ : tối thiểu 500 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu : tối thiểu 1.000 tỷ đồng
- Thị trường/thị phần : Nhà cung cấp giải pháp, dịch vụ tốt nhất cho mạng viễn thông băng rộng, sở hữu ít nhất quỹ đất sạch 200 Ha để kinh doanh bất động sản du lịch tại Phú Quốc.

5. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2013 : Các chỉ tiêu Đại hội cổ đông giao Công ty thực hiện chưa hoàn thành :

a. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế : Năm 2013 Công ty thực hiện được 846,420,035 đồng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 5.64% so với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế được giao. Nguyên nhân không hoàn thành là do thị trường bất động sản đóng băng ít giao dịch dẫn đến sản phẩm đất nền không tiêu thụ được. Tỷ trọng lợi nhuận từ bất động sản chiếm tỷ trọng cao trong tổng lợi nhuận của Công ty.

b. Chỉ tiêu mua lại tối đa 10% cổ phiếu quỹ trên vốn điều lệ, Chỉ tiêu phát hành trái phiếu chuyển đổi : Không thực hiện được là do lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính 2013 bị âm 5,275,286,263 đồng.

6. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2014:

- Doanh thu : 80.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 15.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức : 10% (bao gồm tiền mặt, cổ phiếu)
- Thu nhập bình quân CBCNV : 6.000.000 đồng/người/tháng

7. Kế hoạch kinh doanh - đầu tư năm 2014 :

a. Gia tăng thị phần dịch vụ Viễn thông : Đẩy mạnh công tác Tư vấn, thiết kế, xây lắp, cung cấp thiết bị, vật tư các công trình viễn thông – tin học; Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị viễn thông, mạng hầm cống cáp, trạm BTS, mạng ngoại vi viễn thông.

b. Chào bán nền đất thổ cư khu đô thị 67,5 Ha thị trấn Dương Đông Phú Quốc :

- Đây là dự án của Công ty TNHH một thành viên du lịch thương mại Kiên Giang, dự án đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 và đang tiến hành tách nền cấp số đo. Là dự án đầu tiên ở Phú Quốc đủ điều kiện để kinh doanh bất động sản theo đúng Luật (Nghị định 61 và Thông tư 71 của Nhà nước).

- Công ty đang chào bán 54 lô nhà phố 6x20.5 và 29 lô biệt thự phố 10x20 thuộc sở hữu của Công ty.

c. Chào bán nền đất tái định cư, thương mại, biệt thự xã Hàm Ninh Phú Quốc :

- Đây là dự án do Công ty làm chủ đầu tư, đang hoàn tất việc đóng tiền sử dụng đất. Quý 04/2014 xây dựng cơ sở hạ tầng cho dự án và thực hiện chào bán nền nhà phố 6x14, nền biệt thự.

- Đang thương lượng mời chào Các đối tác cùng hợp tác xây dựng kinh doanh khách sạn, căn hộ mặt biển.

d. Về tài chính:

Hạn chế vay ngân hàng, sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có và nguồn vốn trái phiếu chuyển đổi đã phát hành.

e. Về tổ chức:

- Tăng cường công tác điều hành sản xuất, cơ cấu lại bộ máy quản lý Công ty theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 - 2000.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đảm bảo hài hòa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân vì mục tiêu chung là phát triển Công ty một cách bền vững.

- Tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý và công nhân có trình độ tay nghề đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty hiện tại và trong tương lai.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Các chỉ tiêu tài chính:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2012	NĂM 2013
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	45,66	55,66
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		54,34	44,74
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả /Tổng tài sản	%	44,83	20,51
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản		51,47	80,76
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,22	-0,31
	- Khả năng thanh toán hiện hành		3,54	2,19
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất Lợi nhuận TT/ Tổng tài sản		10,13	0,52
	- Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Doanh thu thuần	%	34,63	2,37
	- Tỷ suất Lợi nhuận ST/Nguồn vốn CSH		15,71	0,59
	- Tỷ suất Lợi nhuận ST/Vốn điều lệ		16,84	0,58

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản lý:

Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành phù hợp với việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhiều năm liền Công ty được xếp hạng tín dụng tối ưu AAA, đặc biệt năm 2008 Công ty được Trung tâm Thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (CIC) bình chọn là 1 trong 20 Doanh nghiệp tiêu biểu trên Thị trường chứng khoán.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH năm 2013 đã kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		80,232,261,313	100,132,623,510
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,354,222,213	3,906,740,497

1. Tiền	111		2,354,222,213	3,606,740,497
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	300,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	545,064,860	29,704,705,860
1. Đầu tư ngắn hạn	121		545,064,860	44,631,644,148
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn (*)	129		0	(14,926,938,288)
III. Các khoản phải thu	130	V.3	27,772,931,127	42,991,958,221
1. Phải thu khách hàng	131		1,987,327,530	3,188,096,815
2. Trả trước cho người bán	132		650,000,000	26,239,413,800
3. Phải thu nội bộ	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	138		25,242,840,397	13,671,684,406
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(107,236,800)	(107,236,800)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	45,784,825,530	21,512,070,130
1. Hàng tồn kho	141		45,784,825,530	21,512,070,130
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	3,775,217,583	2,017,148,802
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,908,497,829	801,872,129
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154		2,207,474	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		864,512,280	1,215,276,673
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		99,109,974,273	84,142,732,241
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		81,374,974,273	66,407,732,241
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	0	25,570,441
- Nguyên giá	222		1,412,168,501	1,736,523,333
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,412,168,501)	(1,710,952,892)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	81,374,974,273	66,382,161,800
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	17,735,000,000	17,735,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17,735,000,000	17,735,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		179,342,235,586	184,275,355,751

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A NỢ PHẢI TRẢ	300		36,787,354,774	82,613,342,424
I Nợ ngắn hạn	310		36,687,354,774	32,513,342,424
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	13,000,000,000	18,760,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.10	19,400,285,349	9,718,417,810
3. Người mua trả trước	313	V.10	804,497,323	657,093,624
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	513,273,343	691,140,809
5. Phải trả công nhân viên	315	V.12	898,796,120	1,606,045,564
6. Chi phí phải trả	316	V.13	914,815,971	114,484,849
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	499,613,396	310,086,496
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi			656,073,272	656,073,272
II Nợ dài hạn	320		100,000,000	50,100,000,000
1. Phải trả dài hạn người bán	321		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	323	V.15	100,000,000	100,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	324		0	50,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142,554,880,812	101,662,013,327
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	142,554,880,812	101,662,013,327
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144,844,680,000	94,844,680,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5,015,044,372	5,015,044,372
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(2,233,060,000)	(2,233,060,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		203,502,703	672,587,253
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(5,275,286,263)	3,362,761,702
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
2. Nguồn kinh phí	432		0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		179,342,235,586	184,275,355,751

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Tại ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết	Đơn vị : VND
----------	----	--------	--------------

	số	minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Hạn mức kinh phí còn lại				
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có				

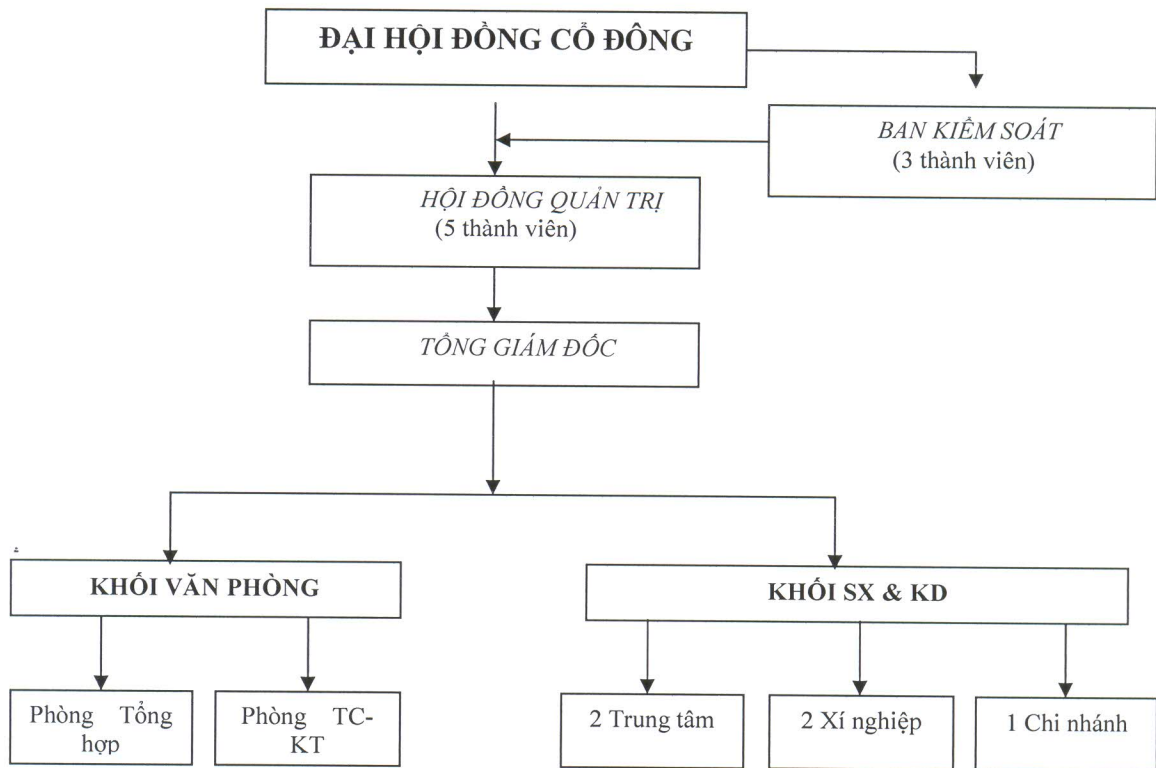
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	ĐVT : VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	35,770,361,804	46,138,575,104
2. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07)	03	VI.18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	35,770,361,804	46,138,575,104
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	30,816,395,706	39,167,454,595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4,953,966,098	6,971,120,509
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	993,593,999	9,218,409,620
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	805,465,628	(4,280,467,880)
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1,183,262,864	2,014,578,611
8. Chi phí bán hàng	24		1,434,104,427	1,647,045,404
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,546,495,108	2,371,840,050
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,161,494,934	16,451,112,555
11. Thu nhập khác	31	VI.23	-	160,252,661
12. Chi phí khác	32	VI.23	128,125,110	381,377,218
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(128,125,110)	(221,124,557)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,033,369,824	16,229,987,998
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24	186,949,789	253,853,879
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		846,420,035	15,976,134,119
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	62	1,688

IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:



a. Khối văn phòng : Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổng hợp

b. Khối sản xuất và kinh doanh :

- + Trung tâm kinh doanh thiết bị viễn thông – tin học
- + Trung tâm giao dịch bất động sản
- + Xí nghiệp Tư vấn thiết kế
- + Xí nghiệp Xây lắp
- + Chi nhánh Phú Quốc

2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty: Tính đến thời điểm 31/03/2014, tổng số lao động của Công ty là 60 người giảm hơn 50% lao động so với năm 2013.

b. Chính sách đối với người lao động:

* **Chính sách đào tạo:**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ; Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa học về ngoại ngữ, tin học, quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp hiện đại, các chế độ, chính sách của nhà nước..... Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

* **Chính sách tiền lương:**

Công ty xây dựng quy chế về trả lương và phân phối tiền thưởng áp dụng thống nhất trong Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

* **Chính sách thưởng:**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ, công nhân viên trong Công ty tăng năng suất và chất lượng công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

* **Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:**

Công ty luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách về tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể... Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn, hoặc hiếu hỷ. Các ngày Trung thu, ngày 1-6, ngày lễ, tết Công ty còn tặng quà cho con em CBCNV.

Ngoài việc được khám sức khỏe định kỳ, người lao động trong Công ty còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản, ốm đau....

V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

▪ **Hội đồng quản trị :**

- Ông Phạm Đình Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Huỳnh Phan Thanh Vũ	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Hữu Xuân	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Trần Thắng Công	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Cao Phong	Ủy viên Hội đồng quản trị

▪ **Ban kiểm soát :**

- Bà Phan Thị Phụng	Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Võ Hồng Hạnh	Ủy viên Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Ủy viên Ban kiểm soát

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:

▪ Hoạt động của Hội đồng quản trị: Theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/04/2008.

▪ Hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, góp phần để sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đạt hiệu quả cao và tài chính luôn lành mạnh.

▪ Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: được tính trên thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên, thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm để xác định mức trích lập thù lao. Tổng số thù lao của HĐQT và BKS được phân bổ cho từng thành viên theo hệ số : Chủ tịch hệ số 2.0, thành viên HĐQT 1.5, trưởng Ban kiểm soát hệ số 1.5, thành viên BKS hệ số 1.0.

▪ Năm 2012, 2013 Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao do không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội cổ đông giao.

**VIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Chủ tịch
CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG GIÁM ĐỐC
VIÊN LIÊN
PHẠM ĐÌNH DŨNG